

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Số 1 Lương Định Của - Phường Kim Liên – TP Hà Nội



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

ĐVT: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+160)	100		1.834.654.998.769	1.793.519.988.077
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		243.193.715.718	382.170.218.915
1. Tiền	111	V.1	168.729.929.365	302.570.218.915
2. Các khoản tương đương tiền	112		74.463.786.353	79.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	418.111.237.317	248.456.777.105
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		418.111.237.317	248.456.777.105
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		240.435.233.809	350.170.196.533
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	172.181.533.860	302.480.594.666
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	37.781.307.150	37.055.380.738
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5	32.421.627.567	12.780.819.462
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	136	V.6	(1.949.234.768)	(2.146.598.333)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	894.894.500.088	796.278.900.275
1. Hàng tồn kho	141		906.613.433.363	808.048.187.424
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	142		(11.718.933.275)	(11.769.287.149)
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150	V.8	5.496.010.163	187.441.503
1. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	152		5.496.010.163	187.441.503
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		32.524.301.674	16.256.453.746
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.12	16.353.507.122	3.863.999.981
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		10.541.588.368	8.271.738.591
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163		5.629.206.184	4.120.715.174

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		799.260.008.273	814.976.578.348
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.241.814.000	1.241.814.000
1. Phải thu dài hạn khác	215		1.241.814.000	1.241.814.000
II. Tài sản cố định	220		720.454.259.682	733.567.094.214
1. TSCĐ hữu hình	221	V.9	503.818.564.146	516.936.261.218
- Nguyên giá	222		1.016.541.444.291	1.016.436.932.691
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(512.722.880.145)	(499.500.671.473)
2. TSCĐ vô hình	227	V.10	216.635.695.536	216.630.832.996
- Nguyên giá	228		271.669.435.393	270.869.435.393
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(55.033.739.857)	(54.238.602.397)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		195.277.764	-
1. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần dài hạn	237		195.277.764	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.11	9.221.810.744	9.543.908.450
- Nguyên giá	241		14.808.361.147	14.808.361.147
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(5.586.550.403)	(5.264.452.697)
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260	V.2	26.061.735.380	26.061.735.380
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		26.061.735.380	26.061.735.380
VII. Tài sản dài hạn khác	270		42.085.110.703	44.562.026.304
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.12	34.612.538.873	36.161.062.492
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272		7.472.571.830	8.400.963.812
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		2.633.915.007.042	2.608.496.566.425

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		990.164.218.536	959.872.943.550
I. Nợ ngắn hạn	310		957.670.535.626	927.376.359.918
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	51.509.104.784	80.410.083.388
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	13.528.263.082	17.799.190.033
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		148.625.375	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	10.797.839.526	39.127.543.016
5. Phải trả người lao động	315		2.242.872.374	13.605.958.933
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.17	24.328.026.751	30.356.854.482
7. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		685.242.994	280.750.452
8. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.19	133.241.488.616	119.033.813.305
9. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321		697.396.322.451	591.408.454.965
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		23.792.749.673	35.353.711.344
II. Nợ dài hạn	330	V.17	32.493.682.910	32.496.583.632
1. Phải trả dài hạn khác	338		1.158.590.800	1.158.590.800
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		31.335.092.110	31.337.992.832
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	V.21	1.643.750.788.506	1.648.623.622.875
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		175.869.880.000	175.869.880.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		175.869.880.000	175.869.880.000
2. Thặng dư vốn	412		331.245.527.850	331.245.527.850
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.958.080.000	7.958.080.000
4. Cổ phiếu mua lại của chính mình (*)	415		(50.000.000)	(50.000.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		565.757.310.405	564.914.461.184
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		464.181.946.799	469.704.719.955
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420A		423.162.401.657	253.919.281.710
- LNST chưa phân phối kỳ này	420B		41.019.545.142	215.785.438.245
7. Lợi ích của cổ đông thiểu số	429		98.788.043.452	98.980.953.886
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		2.633.915.007.042	2.608.496.566.425

Ngày 24 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thành Chung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Trà My

- Báo cáo tài chính được đọc kèm với thuyết minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0101449271
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-04-24 18:24:00
Foxit Reader Version: 10.0.0

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	383.165.647.102	378.733.045.302	383.165.647.102	378.733.045.302
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	20.256.481.385	10.549.713.555	20.256.481.385	10.549.713.555
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		362.909.165.717	368.183.331.747	362.909.165.717	368.183.331.747
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	258.015.040.356	257.448.079.496	258.015.040.356	257.448.079.496
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		104.894.125.361	110.735.252.251	104.894.125.361	110.735.252.251
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21					
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.4	8.757.437.006	3.832.633.373	8.757.437.006	3.832.633.373
8. Chi phí tài chính	23	VI.5	8.785.571.516	5.050.079.840	8.785.571.516	5.050.079.840
- Trong đó: Chi phí lãi vay	24		6.814.232.351	4.153.473.979	6.814.232.351	4.153.473.979
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	30.782.018.201	31.550.664.042	30.782.018.201	31.550.664.042
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	23.498.181.155	29.268.371.979	23.498.181.155	29.268.371.979
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50.585.791.495	48.698.769.763	50.585.791.495	48.698.769.763
12. Thu nhập khác	31	VI.7	132.502.651	7.705.256	132.502.651	7.705.256
13. Chi phí khác	32	VI.7	369.137.726	531.498.628	369.137.726	531.498.628
14. Lợi nhuận khác	40		(236.635.075)	(523.793.372)	(236.635.075)	(523.793.372)

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 31 tháng 03 năm 2026

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý này		Lũy kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.349.156.420	48.174.976.391	50.349.156.420	48.174.976.391
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	8.554.032.660	8.279.085.817	8.554.032.660	8.279.085.817
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.9	789.150.146	2.277.115.516	789.150.146	2.277.115.516
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		41.005.973.614	37.618.775.058	41.005.973.614	37.618.775.058
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		41.162.244.027	37.012.190.206	41.162.244.027	37.012.190.206
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(156.270.413)	606.584.852	(156.270.413)	606.584.852
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	2.149	2.106	2.149	2.106
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71					

Ngày 24 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thành Chung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Thị Trà My

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỒNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỒNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỒNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỒNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST: 0101449271
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-04-24 18:23:35
Foxit Reader Version: 10.0.0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		50.349.156.420	48.174.976.391
Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		14.339.443.838	28.679.631.046
- Các khoản dự phòng	03		(247.717.439)	(810.223.846)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		319.250.294	488.744.974
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(3.562.956.981)	(1.563.443.625)
- Chi phí đi vay	06		6.814.232.351	4.153.473.979
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		68.011.408.483	79.123.158.919
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		100.347.947.168	20.088.275.831
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(103.873.814.599)	(593.310.415.186)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(44.011.936.818)	(36.818.394.497)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(3.883.221.544)	(3.286.966.563)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(4.937.900.332)	(4.173.096.109)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.478.677.411)	(22.133.454.951)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(13.452.405.859)	(14.974.734.586)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(9.278.600.912)	(575.485.627.142)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(34.345.817.572)	(34.345.817.572)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(169.654.460.212)	(16.000.000.000)
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.035.260.572	1.577.021.706
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	30		(198.965.017.212)	(48.768.795.866)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				

- Báo cáo tài chính được đọc kèm với thuyết minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm nay	Năm trước
1. Tiền thu từ đi vay	33	VII.1	595.229.377.622	693.939.883.736
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(490.365.797.136)	(114.251.236.330)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(35.297.657.375)	(35.149.032.000)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	40		69.565.923.111	544.539.615.406
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(138.677.695.013)	(79.714.807.602)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		382.170.218.915	278.670.806.878
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(298.808.184)	(17.610.022)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		243.193.715.718	198.938.389.254

Ngày 24 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Như Quỳnh

Lê Thành Chung

Nguyễn Thị Trà My

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP
ĐOÀN
GIỐNG
CÂY
TRỒNG
VIỆT NAM**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM
DN: C=VN, S=Hà Nội, O=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM, OID.0.9.2342.19200300.10 0.1.1=MST:0101449271
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-04-24 18:24:26
Foxit Reader Version: 10.0.0

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần

Công ty Cổ phần tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp nhà nước mang tên Công ty Giống cây trồng Trung ương 1 thành Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương theo Quyết định số 5029 QĐ/BNN-TCCB ngày 10 tháng 11 năm 2003 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103003628 ngày 06 tháng 02 năm 2004. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi bổ sung về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh của Công ty đã được chứng nhận tại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 17 với mã số 0101449271 do Sở Tài Chính Tp Hà Nội cấp ngày 06/11/2025.

2. Lĩnh vực kinh doanh chính : Nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh giống cây trồng là dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

5. Cấu trúc doanh nghiệp

- Công ty có trụ sở chính tại số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội.
- Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty có các công ty con và các đơn vị trực thuộc như sau:
Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ		Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
		Tỷ lệ lợi ích	biểu quyết		
1	Công ty Cổ phần ĐT và PT Vinaseed Hà Nội	53,80%	53,80%	Phường Lương, TP. Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh các loại giống cây trồng và cung cấp dịch vụ kho vận Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là nghiên cứu, sản xuất kinh doanh và xuất nhập khẩu các loại giống cây trồng nông lâm nghiệp, vật tư phục vụ nông nghiệp; chế biến kinh doanh nông sản; đại lý bán buôn bán lẻ.
2	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam	90,02%	90,02%	Phường Điện Bàn Bắc, TP Đà Nẵng.	Nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh, và xuất nhập khẩu giống cây trồng các loại.
3	Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	96,41%	96,41%	Phường Tân Sơn Hòa, TP Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh các loại dưa và rau quả nông sản cao cấp phục vụ nội tiêu và xuất khẩu; nghiên cứu ứng dụng, đào tạo, chuyển giao dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp công nghệ cao.
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao Hà Nam	94%	94%	Xã Vĩnh Trụ, tỉnh Ninh Bình	Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng. Chế biến nông sản và hạt giống cây trồng
5	Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam (*)	98,92%	100%	Xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác và bột mỳ
6	Công ty TNHH đầu tư và XNK nông sản Việt Nam (**)	98,92%	100%	Xã Trường Xuân, tỉnh Đồng Tháp	

(*) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty nắm giữ trực tiếp 70% và gián tiếp 30% vốn chủ sở hữu trong công ty con này thông qua Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.

(**) Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, Công ty nắm giữ gián tiếp qua công ty con Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

Thông tin về các đơn vị trực thuộc:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ (cập nhật theo địa bàn hành chính mới)
1. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa	Thôn Lý Yên, Xã Yên Định, tỉnh Thanh Hóa
2. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình	Thôn Phong Lôi Đông, Xã Đông Hưng, tỉnh Hưng Yên
3. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Miền Trung	Số 7, đường Trần Nhật Duật, Phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
4. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Tây Nguyên	Thôn 4, Phường Tân An, tỉnh Đắk Lắk
5. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam	Khu Công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, Phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình
6. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Kinh doanh Nông sản (i)	Khu công nghiệp Đồng Văn I mở rộng, Phường Đồng Văn, tỉnh Ninh Bình
7. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Chi nhánh Ba Vì	thôn Trại Giống, Xã Quảng Oai, thành phố Hà Nội
8. Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung ương tại Khoái Châu	Xóm 5, thôn Bình Dân, Xã Triệu Việt Vương, tỉnh Hưng Yên
9. Trung tâm nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ Giống cây trồng Trung Ương	thôn Trại Giống, Xã Quảng Oai, TP Hà Nội
10. Chi nhánh Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển	Số 211 Đường Bà Thiên, Ấp 5, Xã Nhuận Đức, TP Hồ Chí Minh
11. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Nhà máy Thường Tín	350 tiểu khu Trần Phú, Xã Thường Tín, TP Hà Nội
12. Văn phòng đại diện tại tỉnh Udomxay.	Nước CHXDND Lào
13. Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam - Địa điểm kinh doanh Nhà máy Hưng Yên	Xã Nguyễn Văn Linh, tỉnh Hưng Yên

(i) Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 30/NQ-VINASEED-HĐQT ngày 24 tháng 6 năm 2024, Công ty đã thông qua việc giải thể chi nhánh Kinh doanh Nông sản. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, chi nhánh Kinh doanh Nông sản đang trong quá trình hoàn tất các thủ tục giải thể doanh nghiệp theo các quy định hiện hành.

6. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026 Công ty có 654 người lao động (tại 31/12/2025 là 643 người)

7. Thông tin trên Báo cáo tài chính có khả năng so sánh với số cùng kỳ năm trước tại báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và báo cáo tài chính quý 1 năm 2025.

Thông tin số đầu kỳ của Báo cáo tài chính được điều chỉnh theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

II. Kỳ kế toán , đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch
2. Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 công ty áp dụng Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:
 - Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước);
 - Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200;
 - Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200; và
 - Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.
2. Báo cáo tài chính riêng được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. Chính sách kế toán, ước tính kế toán và các quy định pháp luật có liên quan áp dụng

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch là tỷ giá mua bán, chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối cuối kỳ là tỷ giá mua bán, chuyển khoản trung bình của ngân hàng thường xuyên giao dịch. Đối với tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi mở tài khoản.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính.

Chứng khoán kinh doanh

Được ghi nhận theo nguyên giá, tại thời điểm lập báo cáo công ty đánh giá lại khoản đầu tư và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Nếu giá trị thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Việc trích lập và hoàn nhập không được vượt quá nguyên giá của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty và các công ty con có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- + Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- + Các khoản đầu tư đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán.
- + Các đầu tư thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Dự phòng tổn thất đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được Công ty được phản ánh trong Báo cáo Tài chính theo giá gốc.

Cổ tức nhận được từ các công ty con và công ty liên doanh, liên kết ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính.

Cổ tức của năm trước khi trở thành công ty con ghi nhận giảm giá gốc đầu tư.

Đầu tư công cụ vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được trình bày theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu có khả năng không thu được.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá hàng tồn kho và đảm bảo giá trị ghi nhận là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thị trường có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để tiêu thụ hàng tồn kho và chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho

Phương pháp trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể bị suy giảm giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.), có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và trang thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn.	06 - 15
Thiết bị VP và dụng cụ quản lý	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định (TSCĐ) vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất lâu dài được cấp Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất và được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Bản quyền

Bản quyền các loại giống được ghi nhận theo giá mua đối với các loại giống không do Công ty tự nghiên cứu và phát triển. Bản quyền được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua bản quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định. Thời gian sử dụng ước tính của các tài sản như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
Bản quyền	05 - 20
Phần mềm máy tính	05 - 06
Tài sản cố định khác	15

Quyền sử dụng đất lâu dài công ty không trích khấu hao.

8. Nguyên tắc kế toán tài sản sinh học

Tài sản sinh học được ghi nhận theo giá gốc (bao gồm chi phí mua, chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng/thu hoạch).

Tài sản sinh học có thể được đánh giá lại khi xác định được giá trị hợp lý đáng tin cậy nhằm phản ánh đúng giá trị thực của tài sản.

Tài sản sinh học không được khấu hao và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Sau thu hoạch sản phẩm tài sản sinh học được ghi nhận hàng tồn kho, chi phí liên quan đến việc tạo ra sản phẩm sinh học ghi nhận giá thành sản phẩm.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Phản ánh chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng để xây dựng công trình tại Khu công nghiệp Đồng Văn 1 mở rộng, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam chi phí này sẽ được bù trừ với số tiền thuê đất Công ty phải trả trong thời gian thuê đất (Công ty được miễn tiền thuê đất 12 năm 5 tháng, từ tháng 1 năm 2020 đến tháng 5 năm 2032). Chi phí này được phân bổ theo thời gian thuê đất đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2064.

Chi phí hợp tác đầu tư thể hiện khoản góp vốn đầu tư theo Hợp đồng cung cấp - khai thác - chuyển giao Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái số 01/2020/VINASOLAR.VN-VINARICE-NSC ngày 18 tháng 9 năm 2020 giữa Công ty, Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam - công ty con của Công ty và Công ty Cổ phần VINASOLAR Việt Nam. Căn cứ theo hợp đồng, Công ty đã góp vốn đầu tư vào Dự án Hệ thống năng lượng mặt trời áp mái với thời gian thực hiện của Dự án là 20 năm. Công ty được phân chia 25% lợi nhuận từ dự án này. Chi phí đầu tư cho dự án được phân bổ trong khoảng thời gian thực hiện dự án.

Chi phí sửa chữa, cải tạo là các chi phí dùng bảo dưỡng, thay thế những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại trạng thái ban đầu của tài sản đảm bảo quá trình sản xuất liên tục.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị bao bì, tem nhãn, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này công ty phân bổ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo quy định kế toán hiện hành.

10. Nguyên tắc kế toán phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán ghi nhận theo giá gốc.

11. Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức, lợi nhuận được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty sau khi đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính khác.

Ghi nhận phải trả cổ tức, lợi nhuận khi có quyết định chia cổ tức, lợi nhuận chính thức từ Đại Hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa thanh quyết toán tại thời điểm lập báo cáo tài chính được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ trên cơ sở nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh thực tế, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Là doanh thu nhận trước của một hoặc nhiều kỳ kế toán và được phân bổ dần vào doanh thu hoạt động kinh doanh hoặc thu nhập khác tương ứng với từng kỳ kế toán dựa trên dịch vụ đã cung cấp.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

15. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

16. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

17. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa, được tính vào giá trị của tài sản đó.

Việc vốn hóa các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Nếu quá trình xây dựng bị gián đoạn trong một thời gian dài và hoạt động này không thực sự cần thiết, việc vốn hóa phải tạm dừng và hạch toán chi phí đi vay vào chi phí tài chính trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm được phân bổ trực tiếp vào giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Khi vốn cổ phần mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền để thanh toán, bao gồm các chi phí có liên quan sau khi đã trừ đi các ảnh hưởng của thuế được ghi nhận là một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu và được phân loại là cổ phiếu quỹ. Khi phát hành lại cổ phiếu quỹ được mua lại, chênh lệch giữa giá phát hành và giá mua lại được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận theo chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh do thay đổi tỷ giá chuyển đổi tiền tệ khi ghi sổ kế toán, chưa được xử lý tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu và thu nhập khác ghi nhận theo nguyên tắc

Nguyên tắc phù hợp: Doanh thu và thu nhập phải được ghi nhận đồng thời với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc tạo ra chúng.

Nguyên tắc thận trọng: Doanh thu chỉ được ghi nhận khi có bằng chứng chắc chắn về khả năng thu được lợi ích kinh tế. Không ghi nhận doanh thu nếu có yếu tố không chắc chắn.

Ghi nhận dựa trên nghĩa vụ chuyển giao: Doanh thu được ghi nhận khi doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm/hàng hóa cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

Tách biệt doanh thu và thu nhập khác:

- Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường (bán hàng, cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính...).
- Thu nhập khác: Là các khoản thu nhập ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu thông thường, bao gồm các khoản được quy định cụ thể tại TK 711.

Phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng ghi nhận khi hàng hóa đã được chuyển giao, bên mua đã chấp nhận thanh toán, và doanh nghiệp đã thu được tiền hoặc có quyền thu tiền.

Doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận dựa trên mức độ hoàn thành của giao dịch dịch vụ tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ hoạt động tài chính ghi nhận các khoản lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản thu nhập tài chính khác.

Phương pháp ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định.

Thu từ phạt hợp đồng, được bồi thường.

Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.

Các khoản thu nhập khác theo quy định pháp luật.

20. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu: Ghi nhận theo nguyên tắc trừ trực tiếp vào doanh thu thuần trong kỳ (như chiết khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại).

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng.

21. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận khi đã xác định là đã bán và được ghi nhận doanh thu. Chi phí giá vốn tương ứng với doanh thu tạo ra trong cùng một kỳ kế toán

Hàng hóa, thành phẩm: Ghi nhận giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa theo phương pháp bình quân gia quyền

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, và chi phí sản xuất chung vượt trên mức bình thường (không được tính vào trị giá hàng tồn kho) sẽ được chuyển ngay vào giá vốn trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

Công ty trích lập dự phòng hàng tồn kho khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc. Khoản dự phòng này, sau khi trừ đi các khoản được hoàn nhập, thường được ghi nhận tăng giá vốn hàng bán.

Các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sau khi ghi nhận doanh thu sẽ được điều chỉnh giảm doanh thu và điều chỉnh giảm giá vốn tương ứng.

22. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí hoạt động tài chính chủ yếu là các khoản chi phí lãi tiền vay, lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư phát sinh trong năm.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

23. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp. Các khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp được ghi nhận đúng kỳ phát sinh, phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra.

24. Nguyên tắc kế toán bán, thanh lý TSCĐ, bất động sản đầu tư

Những tài sản cố định hư hỏng không thể tiếp tục sử dụng được.

Những tài sản cố định lạc hậu về kỹ thuật hoặc không phù hợp với yêu cầu sản xuất, kinh doanh.

Giá trị bán, thanh lý TSCĐ được ghi nhận thu nhập trong kỳ theo giá trị net.

25. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Năm 2026 công ty áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành 20%.

Các loại thuế, phí, lệ phí khác: được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

26. Thuê tài sản

Tất cả các khoản thuê của Công ty đều là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

27. Nguyên tắc và phương pháp kế toán chi phí xây dựng dở dang

Phản ánh các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng, việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

28. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

29. Thông tin theo bộ phận

Hoạt động chính của Công ty là trồng trọt, kinh doanh, xuất nhập khẩu trực tiếp giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng; gia công, chế biến, đóng gói bảo quản giống cây trồng và vật tư phục vụ cây trồng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý phần lớn là lãnh thổ Việt Nam, vì vậy Công ty không trình bày thông tin theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

30. Các nguyên tắc và phương pháp lập BCTC hợp nhất.

➤ Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam và báo cáo tài chính của các Công ty con - Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tây; Công ty CP Giống cây trồng Trung ương Quảng Nam; Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam; Công ty CP đầu tư và phát triển Nông nghiệp công nghệ cao Hà Nam; Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam và Công ty TNHH đầu tư và XNK nông sản Việt Nam được lập cho kỳ kế toán kết thúc vào ngày cuối kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của Công ty con.

➤ Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua cổ phần giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của chi phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát của công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát : Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

➤ Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ: Các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ và các số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính. Khoản lãi vay và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty và các công ty con tại công ty liên kết.

- Trên Báo cáo tài chính hợp nhất lợi thế thương mại là phần phụ trội giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.
- Công ty liên kết là một công ty và công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Trong Báo cáo Tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc và được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

V.THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền mặt	1.466.219.168	1.351.402.902
Tiền gửi ngân hàng	167.263.710.197	301.218.816.013
Các khoản tương đương tiền (*)	74.463.786.353	79.600.000.000
Cộng	243.193.715.718	382.170.218.915

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính**2.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng	158.715.146.066	92.500.000.000
Cho vay trên 3 tháng	205.000.000.000	100.000.000.000
Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn	54.396.091.251	55.956.777.105
Cộng	418.111.237.317	248.456.777.105

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

2.2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed (i)	194.126	19,49%	194.126	19,49%

(i) Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

Giá trị đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu năm (VND)		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed	26.061.735.380			26.061.735.380		

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Chi nhánh Hà Nội- Công ty CP DVTM Tổng hợp Vincommerce	34.782.458.159	57.576.787.234
Cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật Công ty Cổ phần giống cây trồng Khoa Hội	-	46.996.000.000
	5.984.396.154	5.984.396.154
Phải thu khách hàng khác	131.414.679.547	191.923.411.278
Cộng	172.181.533.860	302.480.594.666
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	<i>(1.949.234.768)</i>	<i>(2.146.598.333)</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Trả trước cho nhà thầu	5.450.316.592	2.774.690.248
Công ty CP kiến trúc và xây dựng ICAD Việt Nam	2.004.619.832	2.004.619.832
Công ty TNHH DHTECH SOLUTION	849.088.332	-
Công ty CP thiết kế AAW	623.239.635	-
Công Ty TNHH Cơ Khí Đại Phú Minh	737.628.240	-
Trả trước cho nhà thầu xây dựng khác	1.235.740.553	770.070.416
Trả trước cho các người bán	32.330.990.558	34.280.690.490
Nguyễn Văn Thông	1.759.080.073	-
Công ty TNHH MTV cà phê 721	2.178.000.000	2.178.000.000
Ông Trần Văn Cư	-	4.507.174
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	28.393.910.485	32.098.183.316
Cộng	37.781.307.150	37.055.380.738

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu lãi tiền gửi	1.240.247.945		2.939.447.291	
Tạm ứng cho nhân viên	17.663.212.273		5.392.640.025	
Chi phí vận chuyển bảo quản giống			1.055.032.128	
Phải thu khác	13.518.167.349		3.393.700.018	
Cộng	32.421.627.567		12.780.819.462	

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị khoản phải thu quá hạn				
Khách hàng khác	1.949.234.768		2.146.598.333	
Cộng	1.949.234.768		2.146.598.333	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	82.082.198.630	(2.229.861.489)	70.336.540.737	(2.255.872.967)
Công cụ, dụng cụ	1.969.541.860		1.834.689.731	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.966.233.669		3.345.527.465	
Sản phẩm	813.337.598.273	(9.418.648.494)	728.000.672.856	(9.442.990.890)
Hàng hoá	6.257.860.931	(70.423.292)	2.364.772.879	(70.423.292)
Hàng gửi bán			2.353.425.259	
Cộng	906.613.433.363	(11.718.933.275)	808.235.628.927	(11.769.287.149)

8. Tài sản sinh học ngắn hạn

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu năm (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần				
Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	5.496.010.163		187.441.503	
Cộng	5.496.10.163		187.441.503	

9. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	571.885.004.182	362.228.684.866	57.623.648.127	7.887.242.809	16.812.352.707	1.016.436.932.691
Tăng trong năm	-	-	-	104.511.600	-	104.511.600
Số dư cuối năm	571.885.004.182	362.228.684.866	57.623.648.127	7.991.754.409	16.812.352.707	1.016.541.444.291
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	242.945.052.315	201.439.952.758	41.908.775.629	7.058.901.822	6.147.988.949	499.500.671.473
Khấu hao trong năm	5.641.567.840	6.362.676.615	812.413.260	54.984.925	350.566.032	13.222.208.672
Số dư cuối năm	248.586.620.155	207.802.629.373	42.721.188.889	7.113.886.747	6.498.554.981	512.722.880.145
III. Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	328.939.951.867	160.788.732.108	15.714.872.498	828.340.987	10.664.363.758	516.936.261.218
Số dư cuối năm	323.298.384.027	154.426.055.493	14.902.459.238	877.867.662	10.313.797.726	503.818.564.146
IV. Tài sản CĐHH hết khấu hao vẫn sử dụng						
Số đầu năm	99.255.318.781	91.932.691.719	26.342.630.230	5.319.592.172	3.490.580.283	226.340.813.185
Số cuối năm	102.406.818.781	92.157.691.719	26.703.330.230	5.319.592.172	3.490.580.283	230.078.013.185

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỒNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

10. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

Nội dung	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Bản quyền	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	156.014.620.089	67.644.953.560	31.237.850.000	11.442.600.774	4.529.410.970	270.869.435.393
Tăng trong năm			800.000.000		-	800.000.000
Số dư cuối năm	156.014.620.089	67.644.953.560	32.037.850.000	11.442.600.774	4.529.410.970	271.669.435.393
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm			20.997.322.718	7.993.414.594	2.073.157.500	54.238.602.397
Khấu hao trong năm			121.979.792	285.552.823	62.806.050	795.137.460
Số dư cuối năm		-	23.296.687.377	21.282.875.541	2.135.963.550	55.033.739.857
III. Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	156.014.620.089	44.470.245.975	10.240.527.282	3.449.186.180	2.456.253.470	216.630.832.996
Số dư cuối năm	156.014.620.089	44.348.266.183	10.754.974.459	3.124.387.385	2.393.447.420	216.635.695.536
IV. Tài sản GDVH hết khấu hao vẫn sử dụng						
Số đầu năm		1.629.311.770	16.411.850.000	4.564.300.824		22.605.462.594
Số cuối năm		1.629.311.770	16.411.850.000	4.564.300.824		22.605.462.594

- Báo cáo tài chính được kèm với thuyết minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

11. Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

**Nhà cửa,
vật kiến trúc****Nguyên giá:**

Số đầu năm 14.808.361.147

Tăng trong năm

Số cuối năm 14.808.361.147

Trong đó:

Đã khấu hao hết 1.985.661.793

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm 5.264.452.697

Khấu hao trong năm 322.097.706

Số cuối năm 5.586.550.403

Giá trị còn lại:

Số đầu năm 9.543.908.450

Số cuối năm 9.221.810.744

12. Chi phí chờ phân bổ**Số cuối kỳ
(VND)****Số đầu năm
(VND)****a. Ngắn hạn**Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
xuất dùng

709.015.114

462.460.584

Chi phí sửa chữa, cải tạo

1.151.334.042

2.527.144.481

Chi phí chờ phân bổ

4.370.221.886

-

Khác

10.122.936.080

874.394.916

Cộng**16.353.507.122****3.863.999.981****b. Chi phí dài hạn**

Chi phí sửa chữa, cải tạo

6.032.755.710

11.107.170.279

Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng

8.734.328.132

10.876.291.842

Chi phí hợp tác đầu tư

5.247.839.210

5.336.785.632

Công cụ, dụng cụ

3.529.914.309

4.505.329.630

Tiền thuê đất

3.915.640.050

2.347.784.594

Khác

7.152.061.462

1.987.700.515

Cộng**34.612.538.873****36.161.062.492**

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

13. Lợi thế thương mại tại ngày cuối kỳ

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Tổng cộng	HSC	QSC	SSC
1. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
2. Khấu hao	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
Số dư đầu năm				
Tăng trong năm	260.846.731.446	26.557.087.281	1.911.006.045	232.378.638.120
Số dư cuối năm				
3. Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm				
Tại ngày cuối năm				

14. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	696.272.035.451	696.272.035.451	595.229.377.622	490.365.797.136	591.408.454.965	591.408.454.965
Vay ngân hàng ngắn hạn	696.272.035.451	696.272.035.451	595.229.377.622	490.365.797.136	591.408.454.965	591.408.454.965
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-
TỔNG CỘNG	696.272.035.451	696.272.035.451	595.229.377.622	490.365.797.136	591.408.454.965	591.408.454.965

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Công ty vay	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	137.187.263.574	Công ty CP Tập đoàn GCT Việt Nam	Thẻ chấp 5.996.940 cổ phiếu SSC
Ngân hàng Shinhan – Chi nhánh Phạm Hùng	53.547.412.885	Công ty CP Tập đoàn GCT Việt Nam	Tín chấp
Ngân hàng CTBC	193.276.000.000	Công ty CP Tập đoàn GCT Việt Nam	Tín chấp
Ngân hàng BIDV CN Ba tháng hai	39.127.595.551	Công ty CP Tập đoàn GCT Việt Nam	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	26.821.468.871	Công ty CP T GCT Miền Nam	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Đồng Tháp	75.154.932.280	Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam	Tài sản máy móc, nhà xưởng, hàng hóa
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	75.826.431.091	Công ty TNHH lúa gạo Việt Nam	Tài sản máy móc, nhà xưởng, hàng hóa
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Thăng Long	45.330.931.199	Công ty TNHH đầu tư và XNK nông sản Việt Nam	Bảo lãnh thanh toán vô điều kiện và không hủy ngang của Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam với toàn bộ nghĩa vụ gốc và lãi, tối đa 100 tỷ VND và của công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam với toàn bộ nghĩa vụ gốc và lãi, tối đa 100 tỷ VND. Thẻ chấp toàn bộ tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị Trung tâm công nghiệp chế biến hạt giống và nông sản của Công ty TNHH Lúa gạo Việt Nam. Hàng tồn kho, hàng hóa luân chuyển và quyền đòi nợ /quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng thương mại của Công ty.
Công ty CP Tập đoàn Pan	50.000.000.000	Công ty CP Tập đoàn GCT Việt Nam	Tín chấp
TỔNG CỘNG	696.272.035.451		

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ (VND)		Số đầu kỳ (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả nhà thầu	536.310.674	536.310.674	536.310.674	536.310.674
Phải trả người bán	50.972.794.110	50.972.794.110	79.873.772.714	79.873.772.714
Chi nhánh Công ty CP bao bì và innông nghiệp tại Hưng Yên	4.184.734.690	4.184.734.690		
Công ty cổ phần bao bì VLC Công ty TNHH Giống cây trồng	1.333.728.450	1.333.728.450		
Vạn Xuyên- Trung Quốc			33.599.160.113	33.599.160.113
- Phải trả người bán khác	45.454.330.970	45.454.330.970	46.274.612.601	46.274.612.601
Cộng	51.509.104.784	51.509.104.784	80.410.083.388	80.410.083.388

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Công ty TNHH thương mại dịch vụ nông nghiệp thủy sản Anh Thoại	1.401.800.000	1.540.893.491
Phạm Ngọc Minh	1.338.255.000	2.730.715.000
Người mua trả tiền trước	10.394.774.097	13.527.581.542
CỘNG	13.134.829.097	17.799.190.033

17. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
a Chi phí phải trả ngắn hạn	24.328.026.751	30.356.854.482
Chi phí lãi vay	32.056.941	
Chiết khấu thương mại, thanh toán	8.232.905.265	13.547.282.054
Chi phí mua bản quyền	100.000.000	1.211.150.700
Chi phí tiền thuê đất	7.366.797.784	7.184.881.792
Chi phí phải trả khác	8.596.266.761	8.413.539.936
b Phải trả dài hạn	32.493.682.910	32.496.583.632
Phải trả dài hạn khác	1.158.590.800	1.158.590.800
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.335.092.110	31.337.992.832

18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	775.006.797	1.548.565.031	1.692.067.934	631.503.894
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.912.337.415	8.568.185.368	28.484.468.316	7.996.054.467
Thuế thu nhập cá nhân	(2.644.536.131)	3.608.206.614	4.884.570.985	(3.920.900.502)
Thuế khác	8.964.019.761	867.715.733	9.369.760.011	461.975.483
TỔNG CỘNG	35.006.827.842	14.592.672.746	44.430.867.246	5.168.633.342

Trong đó:

<i>Thuế trả trước</i>	<i>(4.120.715.174)</i>			<i>(5.629.206.184)</i>
<i>Thuế phải nộp</i>	<i>39.127.543.016</i>			<i>10.783.686.818</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

19. Phải trả khác

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Cổ tức phải trả	86.750.000	148.625.375
Lãi vay phải trả	4.086.032.110	1.597.476.804
KPCĐ, BHXH	933.603.415	289.044.340
Tiền trợ cấp mất việc làm và phải trả CBCNV đã nộp thuế	7.868.220.707	7.898.420.707
Hỗ trợ công tác xã hội	3.040.000.000	3.040.000.000
Bảo hiểm nhân thọ CTY CỔ PHẦN DAEWON CANTAVIL (*)	10.652.398.306	23.816.250.000
CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN NHÀ CANTAVIL (**)	23.816.250.000	76.183.750.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	76.183.750.000	6.060.246.079
Cộng	133.241.488.616	119.033.813.305

(*) Phản ánh khoản được các đối tác trả trước cho Công ty SSC theo các Hợp đồng liên doanh và Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các hợp đồng này chưa hoàn thành và các bên liên quan đang trong quá trình đàm phán điều chỉnh nội dung của các hợp đồng.

(**) Phản ánh giá trị còn lại của Khu đất Lê Văn Sỹ được các đối tác tự nguyện chuyển khoản vào tài khoản của Công ty SSC (mặc dù Công ty SSC chưa yêu cầu và cũng không nhận được thông báo của các đối tác trước thời điểm nhận số tiền này). Tại ngày 31 tháng 03 năm 2026, việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất của Khu đất Lê Văn Sỹ cũng như các điều kiện khác của Hợp đồng góp vốn chưa được hoàn thành.

20. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
Nhận ký quỹ	1.158.590.800	1.158.590.800
Cộng	1.158.590.800	1.158.590.800

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

21. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu:**

ĐVT: VND

Năm nay	Vốn cổ phần	Vốn khác chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm nay	175.869.880.000	7.958.080.000	331.245.527.850	(50.000.000)	553.630.432.503	358.200.813.202	93.790.160.871	1.520.644.894.426
Lợi nhuận trong năm						219.318.677.593	7.369.142.318	226.687.819.911
Phân bổ vào các quỹ					37.584.167.788	(37.584.167.788)		
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi						(23.833.011.344)	(572.071.944)	(24.405.083.288)
Quỹ trách nhiệm xã hội						(6.097.619.615)	(33.585.921)	(6.131.205.536)
Chia cổ tức						(35.149.032.000)	(1.452.846.000)	(36.601.878.000)
Thủ lao hội đồng quản trị						(4.026.683.268)	(462.828.757)	(4.489.512.025)
Sử dụng quỹ					(26.300.139.107)			(26.300.139.107)
Giải thể công ty con						(1.124.287.000)	342.982.990	(781.304.010)
Tặng/Giảm khác						30.175	329	30.504
Số dư cuối năm nay	175.869.880.000	7.958.080.000	331.245.527.850	(50.000.000)	564.914.461.184	469.704.719.955	98.980.953.886	1.648.623.622.875

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIÓNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

Bảng biến động của vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Năm nay	Vốn cổ phần	Vốn khác chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm	175.869.880.000	7.958.080.000	331.245.527.850	(50.000.000)	564.914.461.184	469.704.719.955	98.980.953.886	1.648.623.622.875
Lợi nhuận trong năm						41.162.244.027	(156.270.413)	41.005.973.614
Phân bổ vào các quỹ					6.724.181.767	(6.724.181.767)		-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.						(3.362.090.884)	(36.640.018)	(3.398.730.902)
Chia cổ tức từ lợi nhuận						(35.149.032.000)	-	(35.149.032.000)
Thủ lao hội đồng quản trị						(541.500.000)	-	(541.500.000)
Sử dụng quỹ					(5.881.332.546)			(5.881.332.546)
Tăng, giảm khác						(908.212.532)	(3)	(908.212.535)
Số dư cuối năm	175.869.880.000	7.958.080.000	331.245.527.850	(50.000.000)	565.757.310.405	464.181.946.799	98.788.043.452	1.643.750.788.506



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu năm (VND)
- Vốn góp của Công ty CP Pan Farm	140.787.070.000	140.787.070.000
- Vốn góp của đối tượng khác	34.958.090.000	34.958.090.000
- Cổ phiếu quỹ	124.720.000	124.720.000
Cộng	175.869.880.000	175.869.880.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	175.869.880.000	175.869.880.000
+ Vốn góp đầu năm		
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp cuối năm	175.869.880.000	175.869.880.000

d. Cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành phổ thông, trong đó:	17.574.516	17.574.516
+ Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng phổ thông	17.574.516	17.574.516
- Cổ phiếu quỹ phổ thông	12.472	12.472

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông theo NQ Đại hội đồng cổ đông thường niên.	40%	40%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

f. Quỹ đầu tư phát triển

	<u>Kỳ này (VND)</u>	<u>Kỳ trước (VND)</u>
Số dư đầu năm	564.914.461.184	553.630.432.503
Trích lập trong năm	6.724.181.767	
Sử dụng trong năm	5.881.332.546	6.467.157.912
Số dư cuối năm	<u>565.757.310.405</u>	<u>547.163.274.591</u>

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội Đồng cổ đông. Công ty đã sử dụng một phần quỹ đầu tư phát triển để phục vụ hoạt động nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm và phát triển kinh doanh của Công ty.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
a, Tài sản nhận giữ hộ (VND)		
b, Hàng hóa nhận giữ hộ (VND)	52.474.990.000	58.017.150.000
c, Ngoại tệ các loại:		
-Đô la Mỹ (USD)	2.782.162,24	2.782.162,24
-Euro (EURO)	11.674,92	11.674,92
-Nhân dân tệ (CNY)	71.876,21	71.876,21
d, Nợ khó đòi đã xử lý	11.153.521.184	11.547.556.119

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Doanh thu bán hàng	375.584.798.602	371.114.633.330
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.580.848.500	7.618.411.972
Cộng	383.165.647.102	378.733.045.302

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Chiết khấu thương mại	3.947.823.036	6.102.992.381
Giảm giá hàng bán	198.069.880	-
Hàng bán bị trả lại	16.110.588.469	4.446.721.174
Cộng	20.256.481.385	10.549.713.555

3. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán và dịch vụ cung cấp	257.654.782.061	257.213.973.563
Dự phòng (hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho thuần	360.258.295	234.105.933
Cộng	258.015.040.356	257.448.079.496

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Lãi chênh lệch tỷ giá	412.178.948	953.290.809
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.117.884.449	2.693.993.978
Doanh thu hoạt động tài chính khác	227.373.609	185.348.586
Cộng	8.757.437.006	3.832.633.373

5. Chi phí tài chính

- Báo cáo tài chính được đọc kèm với thuyết minh

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Chi phí lãi vay	6.814.232.351	4.153.473.979
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.012.448.187	9.164.922
Chiết khấu thanh toán	958.890.978	887.440.939
Cộng	8.785.571.516	5.050.079.840

6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
a. Chi phí bán hàng	30.782.018.201	31.550.664.042
Chi phí nhân viên	3.628.788.837	3.313.285.273
Chi phí mua ngoài	5.588.181.278	9.167.751.482
Chi phí khấu hao	1.321.144.876	1.068.648.412
Các khoản chi phí bán hàng khác	20.243.903.210	18.000.978.875
b. Chi phí quản lý	23.498.181.155	29.268.371.979
Chi phí nhân viên	8.553.434.389	7.842.049.117
Chi phí khấu hao	2.779.944.887	3.354.885.287
Các khoản chi phí QLDN khác	12.164.801.879	12.261.971.617
Phân bổ lợi thế thương mại trong kỳ	-	5.809.465.958

7. Lợi nhuận khác

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Thu nhập khác	132.502.651	7.705.256
<i>Thu nhập khác</i>	132.502.651	7.705.256
Chi phí khác	369.137.726	531.498.628
<i>Chi phí phạt</i>	221.237.215	-
<i>Chi phí khác</i>	147.900.511	531.498.628
Cộng	(236.635.075)	(523.793.372)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND) <i>(trình bày lại)</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	202.004.734.399	785.918.530.001
Chi phí nhân công	15.475.952.376	19.400.303.933
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.668.910.875	24.306.730.314
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.086.434.790	31.362.696.962
Chi phí bằng tiền khác	24.238.004.294	19.289.132.686
Cộng	266.474.036.734	880.277.393.896

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm hiện hành	8.554.032.660	8.279.085.817
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của năm trước vào chi phí thuế TNDN năm nay	-	-
Thuế thu nhập hoãn lại	789.150.146	2.277.115.516

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi các yếu tố suy giảm) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi và khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<u>Kỳ này (VND)</u>	<u>Kỳ trước (VND) (trình bày lại)</u>
Lợi nhuận sau thuế TNDN	41.162.244.027	37.012.190.206
Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, BKS	(3.398.730.902)	-
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	37.763.513.125	37.012.190.206
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân (cổ phiếu)	17.574.516	17.574.516
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.149	2.106

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.**1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<u>Kỳ này (VND)</u>	<u>Kỳ trước (VND)</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	595.229.377.622	693.939.883.736
Tiền thu từ đi vay dưới hình thức khác		

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	<u>Kỳ này (VND)</u>	<u>Kỳ trước (VND)</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	490.365.797.136	114.251.236.330
Tiền trả nợ gốc vay dưới hình thức khác		

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Lợi nhuận sau thuế**

	<u>Kỳ này (VND)</u>	<u>Kỳ trước (VND)</u>
Lợi nhuận sau thuế	41.005.973.614	37.618.775.058
Cộng	41.005.973.614	37.618.775.058

Lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2026 tăng 9,00% so với quý 1 năm 2025 công ty tiếp tục tăng cường quản trị chi phí đầu vào, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh lợi đã đến nhuận tăng so với cùng.

2. Các giao dịch với các bên liên quan

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát và/hoặc có giao dịch trọng yếu với Công ty trong kỳ như sau:

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao
2	Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ
3	Công ty Cổ phần Phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty cùng tập đoàn
4	Công Ty Cổ Phần PAN HULIC	Công ty cùng tập đoàn
5	Công ty Cổ phần khử trùng Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
5	Cty TNHH thương mại COCO Food	Công ty có liên quan tới thành viên Hội đồng quản trị
5	Công ty TNHH Quản lý quĩ SSI	Công ty có liên quan tới thành viên Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”), Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát của Công ty trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Chức vụ tại Công ty, mối liên hệ
Bà Nguyễn Thị Trà My	Chủ tịch HĐQT
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT, thành viên độc lập
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT, thành viên độc lập
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT, thành viên độc lập
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm TVHĐQT ngày 16/04/2026), Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Thế Tỷ	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm TVHĐQT ngày 16/04/2026)
Ông Trần Trương Tấn Tài	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Sáu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Vinh	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2026)
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2026)
Bà Văn Thị Ngọc Ánh	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 16/04/2026)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

Các nghiệp vụ chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Công ty Cổ phần PAN FARM	Công ty mẹ	Cổ tức đã công bố Cổ tức đã trả Bán hàng	28.157.414.000	28.157.414.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao	Phải thu lãi vay Lãi vay đã nhận Thu hồi gốc vay Cho vay Đi vay ngắn hạn	1.526.849.316 2.890.410.960 100.000.000.000 100.000.000.000 50.000.000.000	1.232.876.712 1.671.232.876
Công ty CP khử trùng Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Mua hàng hóa, dịch vụ	206.976.600	
Cty TNHH thương mại COCO Food	Cty có liên quan tới thành viên HĐQT	Mua hàng hóa, dịch vụ	3.335.426.852	
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI	Cty có liên quan tới thành viên HĐQT	Mua dịch vụ	1.820.000.000	

Vào ngày 31 tháng 03 năm 2026 và ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư các khoản phải thu và phải trả khác với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Phải thu				
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao	Phải thu về cho vay	100.000.000.000	100.000.000.000
	Công ty mẹ tối cao	Phải thu lãi cho vay	298.082.192	1.661.643.836
	Công ty mẹ tối cao	Phải trả gốc vay	50.000.000.000	
	Công ty mẹ tối cao	Phải trả lãi vay	450.684.932	
Công Ty Cổ Phần PAN HULIC	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu tiền bán hàng		103.442.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

Công ty CP khử trùng Việt Nam	Công ty cùng tập đoàn	Phải trả người bán ngắn hạn		108.780.000
Cty TNHH thương mại COCO Food	Cty có liên quan tới thành viên HĐQT	Phải trả người bán ngắn hạn	1.649.546.352	25.802.000
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ SSI	Cty có liên quan tới thành viên HĐQT	Phải trả người bán ngắn hạn	1.820.000.000	

Các giao dịch với các bên liên quan khác**Thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm:**

Đơn vị tính : VND

	<i>Chức vụ</i>	Số cuối kỳ (VND)	Số đầu kỳ (VND)
THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ			
Bà Nguyễn Thị Trà My	Chủ tịch HĐQT		
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Phó Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT độc lập		
Bà Nguyễn Ngọc Anh	Thành viên HĐQT độc lập		
Ông Trần Đình Long	Thành viên HĐQT độc lập		
Ông Nguyễn Trung Dũng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc		
THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT			
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng Ban Kiểm soát		
Ông Đỗ Tiến Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát		
Bà Văn Thị Ánh Ngọc	Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 16/04/2025)		
THU NHẬP BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY		2.639.628.433	5.425.870.000
Các thành viên ban điều hành	Chủ tịch điều hành, Phó TGĐ, GĐTC, KTT	2.639.628.433	5.425.870.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 01 Lương Định Của, Phường Kim Liên, TP Hà Nội

3. Các cam kết

Cam kết liên quan đến tiền thuê đất

Công ty hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Kỳ này (VND)	Kỳ trước (VND)
Đến 1 năm	10.049.649.696	4.317.827.747
Trên 1 – 5 năm	23.637.886.223	11.033.063.788
Trên 5 năm	103.888.910.158	57.657.898.970
Cộng	137.576.446.076	73.008.790.505

4. Các sự kiện phát sinh sau kỳ quyết toán

Ngày 16 tháng 04 năm 2026 Đại hội đồng cổ đông biểu quyết miễn nhiệm các chức danh thành viên Ban kiểm soát kể từ ngày 16/04/2026 để phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý mới: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị sẽ thành lập Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.

Ngoài sự kiện trên không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.

5. Thông tin so sánh

Số liệu được sử dụng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam và Báo cáo tài chính quý 1 năm 2025.

Ngày 24 tháng 04 năm 2026

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Như Quỳnh

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Lê Thành Chung

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thị Trà My

- Báo cáo tài chính được đọc kèm với thuyết minh

**CÔNG TY
CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
GIỐNG
CÂY
TRỒNG
VIỆT NAM**

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG
CÂY TRỒNG VIỆT NAM
DN: C=VN, S=Hà Nội,
O=CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP
ĐOÀN GIỐNG CÂY TRỒNG
VIỆT NAM, CN=CÔNG TY
CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GIỐNG
CÂY TRỒNG VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.100.1
.1=MST:0101449271
Reason: I am the author of
this document
Location: your signing location
here
Date: 2026-04-24 18:25:02
Foxit Reader Version: 10.0.0